

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Kim Anh;

2. Bà Nguyễn Thị Như Trang;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa:*
Bà Bùi Thị Thu Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Bùi Công H, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Ngô Xuân P – Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình (có mặt)

Địa chỉ: Văn phòng Luật sư P, số 25, phố H, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: chị Phạm Thị T, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Công H, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Phạm Thị T là vợ chồng, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện Kiến Xương, tỉnh

Thái Bình vào ngày 29/02/1995. Trong thời gian chung sống, anh chị có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, nguyên nhân mâu thuẫn thì có nhiều xong chủ yếu do tính tình không hòa hợp, không tìm ra tiếng nói chung, nếu cứ tiếp tục chung sống thì mâu thuẫn của anh chị sẽ ảnh hưởng tới con chung. Đã 02 lần anh gửi đơn ly hôn, lần 1 vào năm 2017, lần 2 vào tháng 6 năm 2021, cả hai lần Thẩm phán động viên anh nên suy nghĩ lại để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh đã nghe và rút đơn ly hôn, nhưng thực tế sau khi rút đơn thì tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện được, mỗi người một nơi. Hiện tại anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2009 đến nay, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên anh kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị Tính có 02 con chung là Bùi Công Q, sinh ngày 25/5/1998 và Bùi Thị L, sinh ngày 15/9/2003. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh, bình thường, tự lập về kinh tế nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung giữa anh và chị T. Anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Bùi Công H đã tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 29/02/1995 tại UBND xã T, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã được tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình nhà anh H tại thôn T, xã T, cuộc sống chung hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Từ khoảng năm 2010, anh H đi làm ăn kinh tế tại tỉnh Đắc Lắc và có quan hệ ngoại tình với một người phụ nữ khác tại đây. Từ đó đến nay, anh H không quan tâm gì tới mẹ con chị, cũng không đóng góp gì để nuôi dạy các con. Bản thân chị phải tự một mình vất vả bươn chải để chăm sóc các con và phụng dưỡng bố mẹ anh H. Mặc dù bản thân chị đã hết sức níu kéo, khi sự việc xảy ra chị đã vào Đắc Lắc để tìm gặp, nói chuyện, khuyên anh H quay trở về để đoàn tụ gia đình. Khi đó anh Hùng trở về nhà, đánh đuổi mẹ con chị, nhưng do bố mẹ anh H không đồng ý anh H bỏ vợ, ruồng rẫy vợ con nên anh H chuyển đến sinh sống tại thành phố Thái Bình cùng với người phụ nữ và hai bên đã có con riêng với nhau. Từ nhiều năm nay, chị và anh H không cùng chung sống và không có sự chia sẻ về kinh tế, tình cảm. Hiện nay chị không đồng ý ly hôn với anh H vì bao nhiêu năm nay anh H không có trách nhiệm gì với mẹ con chị, bản thân chị không có lỗi làm gì, luôn chăm sóc tốt cho các con và luôn phụng dưỡng cha mẹ chồng.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Bùi Thị L, sinh ngày 15/9/2003 và Bùi Công Q, sinh ngày 25/05/1998. Hiện nay các con chung đều

đã trưởng thành, phát triển khỏe mạnh, cháu Q đã đi làm còn cháu L đang là sinh viên tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Về tài sản chung: Anh chị có tài sản chung gồm:

+ 01 gian nhà mái bằng, 01 tầng, có diện tích 30m² xây dựng khoảng năm 2010;

+ 02 gian nhà ngói có diện tích khoảng 40m², nhà do bố mẹ anh Hùng là cụ ông Bùi Công M (mất năm 2019) và cụ bà Nguyễn Thị N xây dựng trước năm 1995. Sau khi chị và anh H kết hôn thì hai cụ cho anh chị ngôi nhà trên để sinh sống.

+ 02 gian bếp lợp ngói diện tích khoảng 20m² xây dựng năm 2010.

Các tài sản trên xây dựng trên thửa đất có diện tích khoảng 300m² mang tên bố mẹ chồng chị là Bùi Công M, Nguyễn Thị N.

Ngày 16/6/2022, chị có lời khai không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung giữa chị và anh H. Anh chị không có nợ chung.

Biên bản xác minh tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Công H và chị Phạm Thị T đăng ký kết hôn ngày 29/02/1995 tại UBND xã T. Sau khi kết hôn, anh Hùng chị Tính chung sống tại gia đình nhà chồng tại thôn T, xã T. Từ khoảng năm 2010, anh Hùng đi làm ăn kinh tế ở tỉnh Đắk Lắk, từ đó đến nay anh chị không chung sống cùng nhau. Đồng chí trưởng thôn T cung cấp thông tin nhận được ý kiến của chị T như sau: Về hôn nhân, chị cũng xác định giữa chị và anh H không còn tình cảm nên chị đồng ý ly hôn với điều kiện anh H phải để lại toàn bộ các tài sản là nhà và đất cho các con chung của anh chị. Hiện nay anh H không chung sống cùng chị T tại địa phương. Cơ sở thôn đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị được xác định do anh H làm bảo vệ ở Đắk Lắk và có quan hệ ngoại tình, đã có con riêng. Anh H phải giao tài sản là nhà đất cho chị và các con thì chị mới ký ly hôn.

Về con chung: anh Hùng, chị Tính có 02 con chung là Bùi Công Q, sinh ngày 25/5/1998 và Bùi Thị L, sinh năm 2003. Hiện nay cả hai con chung của anh chị đều đã trưởng thành, có khả năng tự lập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Bùi Công H được ly hôn chị Phạm Thị T. Về con chung, do cả hai con chung của anh chị đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: anh H chị T đều không yêu cầu, không đặt ra giải quyết. Về án phí: anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: anh Bùi Công H khởi kiện xin ly hôn chị Phạm Thị T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: anh H, chị T đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29/02/1995 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, nguyên nhân do anh H ngoại tình, nên từ năm 2010 đến nay anh chị sống ly thân. Anh H đã hai lần nộp đơn xin ly hôn lần 1 vào năm 2017, lần 2 vào tháng 6 năm 2021 Thẩm phán động viên anh nên suy nghĩ lại để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh đã nghe và rút đơn ly hôn nhưng sau khi rút đơn thì tình cảm không cải thiện mà càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Chị T cũng không đưa ra được giải pháp để giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng. Chị T không nhất trí ly hôn nhưng bản thân chị cũng thừa nhận hiện nay giữa vợ chồng chị không còn tình cảm, anh Hùng phải giao tài sản là nhà đất cho chị và các con thì chị mới ký ly hôn. Hành vi chung sống với người khác như vợ chồng mặc dù đang có vợ của anh Hùng là hành vi vi phạm pháp luật hôn nhân và gia đình, nhưng trên thực tế có căn cứ xác định đã từ lâu anh H chị T không chung sống cùng nhau, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, điều kiện để duy trì hôn nhân không đảm bảo. Như vậy có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Hùng chị Tính đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Công H đối với chị Phạm Thị T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] *Về quan hệ con chung*: anh H, chị T có 02 con chung là Bùi Công Q, sinh ngày 25/5/1998 và Bùi Thị L, sinh ngày 15/9/2003. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành, có khả năng tự lập, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] *Về quan hệ tài sản chung*: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh H chị Tí đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu anh H phải giao tài sản là nhà đất cho chị và các con thì chị mới ký ly hôn. Đối với yêu cầu này của chị T đưa ra tại phiên tòa thì tại các giai đoạn tố tụng lấy lời

khai, hòa giải chị T đều không yêu cầu chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu chị T có yêu cầu thì khởi kiện yêu cầu chia tài sản bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: anh Bùi Công H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: anh Bùi Công H và chị Phạm Thị T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Công H ly hôn chị Phạm Thị T.

2. Về án phí: anh Bùi Công H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng anh đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001621 ngày 25/4/2022 sang thi hành án phí, anh H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Công H, chị Phạm Thị Tính có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 09/9/2022.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Anh Tuấn